

THẨM QUYỀN THU THẬP CHỨNG CỨ TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

● LÝ BÍCH HƯỜNG

TÓM TẮT:

Thu thập chứng cứ là giai đoạn đầu tiên của quá trình chứng minh, không có thu thập chứng cứ sẽ không có kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ. Hiện nay, Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) đã quy định, chủ thể có quyền thu thập chứng cứ bao gồm: cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bào chữa. Ngoài ra, vẫn còn một số chủ thể khác được quyền thu thập chứng cứ trên thực tế nhưng chưa được chính thức ghi nhận. Bên cạnh đó, các quy định về thẩm quyền thu thập chứng cứ của cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án; quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa cũng còn tồn tại một số hạn chế, cần sớm được hoàn thiện trong thời gian tới. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá các quy định pháp luật về thẩm quyền thu thập chứng cứ theo BLTTHS năm 2015 và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Từ khóa: thu thập chứng cứ, chứng cứ, thẩm quyền thu thập chứng cứ.

1. Đặt vấn đề

Thu thập chứng cứ bao gồm việc phát hiện, thu giữ, ghi nhận và bảo quản chứng cứ. Chứng cứ có 3 thuộc tính, bao gồm: tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Chứng cứ có thỏa mãn tính hợp pháp hay không chính là do bước thu thập chứng cứ quyết định nên đây là bước vô cùng quan trọng trong quá trình chứng minh. BLTTHS hiện hành có khá nhiều điểm mới trong các quy định về thu thập chứng cứ nói chung, thẩm quyền thu thập chứng cứ nói riêng.

2. Cơ sở pháp lý về thẩm quyền thu thập chứng cứ

Điều 15 BLTTHS 2015 quy định: “Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội

có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội”.

Cụ thể hóa quy định này, Điều 88 quy định về các biện pháp thu thập chứng cứ của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bào chữa và quyền cung cấp chứng cứ của những người tham gia tố tụng khác. Ngoài ra, Điều 252 còn chi tiết về thẩm quyền thu thập chứng cứ của Tòa án.

3. Thẩm quyền thu thập chứng cứ của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng

3.1. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố

Khoản 1 Điều 88 BLTTHS quy định: “Để thu thập chứng cứ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.” Như vậy, BLTTHS trao thẩm quyền thu thập chứng cứ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bao gồm: Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án và cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. So với BLTTHS năm 2003, Điều 65 chỉ quy định 3 cơ quan có thẩm quyền thu thập chứng cứ là Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án. Thứ nhất, về kỹ thuật lập pháp, BLTTHS năm 2015 quy định, bằng cách khái quát (cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng) thay vì liệt kê như trong BLTTHS năm 2003. Thứ hai, phạm vi chủ thể có thẩm quyền trong BLTTHS năm 2015 được quy định đầy đủ, chính xác hơn so với BLTTHS năm 2003, mở rộng đến cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm,...). Hoạt động thu thập chứng cứ của các cơ quan này được tiến hành thông qua hoạt động trực tiếp của những người tiến hành tố tụng.

Tuy nhiên, trong trường hợp bắt quả tang người phạm tội, sau đó giải đến UBND, đồn công an hay trong trường hợp, người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì các chủ thể này phải lập biên bản ghi nhận những thông tin ban đầu về sự việc, thu giữ tài liệu, đồ vật, hung khí,... Rõ ràng, đây cũng là các nguồn của chứng cứ và xét về giác độ chứng cứ nhưng các chủ thể nói trên chưa được quy định trong Điều 88 về các chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ là chưa phù hợp.

Cũng theo Khoản 1 Điều 88, cơ quan có thẩm

quyền tiến hành tố tụng nói chung, cơ quan có thẩm quyền điều tra nói riêng thu thập chứng cứ bằng cách “yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án”. Điều 168 cũng quy định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải nghiêm chỉnh thực hiện quyết định, yêu cầu của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; Trường hợp không chấp hành mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì bị xử lý theo quy định của pháp luật”.

Tuy nhiên, chế tài xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân lại chưa được quy định một cách đầy đủ. Điều 282, 283 Bộ luật Hình sự quy định về việc xử lý đối với hành vi cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối, từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu đối với người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật, người bào chữa. Vậy, nếu bị hại hoặc đương sự, hoặc người đại diện hợp pháp của họ có những hành vi này thì sẽ xử lý như thế nào? Chẳng hạn, trong các vụ án gây thương tích, nếu bị hại từ chối tiến hành giám định hoặc không cung cấp tài liệu, đồ vật khác mặc dù đã được yêu cầu thì rất khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền điều tra trong việc thu thập, củng cố chứng cứ để khởi tố, điều tra vụ án.

Bên cạnh đó, việc thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát quân sự trung ương cũng gặp rất nhiều khó khăn, xuất phát từ đặc thù các vụ án các cơ quan này thụ lý. Đối tượng bị buộc tội trong các vụ án này là cán bộ, công chức của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án và họ thường có mối liên hệ trong công việc. Và với tâm lý nể nang tình đồng nghiệp, sợ ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị mình, họ thường e ngại trong việc cung cấp chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội.

Một trong những điểm mới của BLTTHS năm 2015 liên quan đến thẩm quyền của Viện Kiểm

sát trong hoạt động thu thập chứng cứ là việc quy định Viện Kiểm sát thực hiện kiểm sát toàn bộ các tài liệu thu thập được để đảm bảo việc lập hồ sơ được kiểm sát chặt chẽ. Khoản 5 Điều 88 như sau: “Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án mà kiểm sát viên không trực tiếp kiểm sát theo quy định của Bộ luật này thì cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho Viện kiểm sát để kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án”. Theo quy định này, tất cả các biên bản, tài liệu, đồ vật... do Cơ quan có thẩm quyền điều tra thu thập được kể từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm đều phải được kiểm sát bởi kiểm sát viên. Quy định này vừa góp phần nâng cao trách nhiệm, vị thế của Viện Kiểm sát trong việc thu thập chứng cứ trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự, vừa nâng cao chất lượng, tính chặt chẽ của công tác lập hồ sơ vụ án, hạn chế việc phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

3.2. Trong giai đoạn xét xử

Điều 252 BLTTHS năm 2015 quy định:

“Tòa án tiến hành việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ bằng các hoạt động:

(1) Tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp.

(2) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án.

(3) Xem xét tại chỗ vật chứng không thể đưa đến phiên tòa.

(4) Xem xét tại chỗ nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án.

(5) Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản ngoài các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định, cần định giá tài sản quy định tại Điều 206 và Điều 215 của Bộ luật này; trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại; yêu cầu định giá lại tài sản”.

Theo quy định này, có thể thấy, Tòa án thực hiện thu thập chứng cứ dưới 2 hình thức: Chủ động (yêu cầu cung cấp tài liệu, đồ vật; trưng cầu giám định, định giá) và Thụ động (tiếp nhận

chứng cứ, tài liệu, đồ vật). Các hoạt động này trước đây được quy định tản mạn trong các điều kiện của BLTTHS năm 2003, đến BLTTHS năm 2015 được pháp điển hóa thành Điều 252. Tuy nhiên, về quy định này, tác giả vẫn thấy còn những điểm chưa thực sự thuyết phục. Bởi lẽ quá trình chứng minh bao gồm 3 giai đoạn: Thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Khoản 3, 4 Điều 252 quy định về xem xét tại chỗ vật chứng không thể đưa đến phiên tòa, nơi xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án. Đây là các hoạt động thuộc về kiểm tra, đánh giá chứng cứ, nên việc quy định trong điều 252 về xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ là chưa thực sự hợp lý.

Hơn nữa, chức năng chính của Tòa án là xét xử, tức là chủ yếu tập trung kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Nếu Tòa án tự mình thu thập chứng cứ rồi sau đó lại tự mình kiểm tra, đánh giá chính những chứng cứ mà mình thu thập được, dùng nó để giải quyết vụ án hình sự. Vậy có đảm bảo tính khách quan?

Về khoản 6 Điều 252: “Trường hợp Tòa án đã yêu cầu Viện Kiểm sát bổ sung chứng cứ nhưng Viện Kiểm sát không bổ sung được thì Tòa án có thể tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.”. Có quan điểm hiểu quy định này nghĩa là: Tòa án chỉ được tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ kho trả hồ sơ yêu cầu Viện Kiểm sát bổ sung chứng cứ nhưng Viện Kiểm sát không bổ sung được và coi việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung như là điều kiện tiên quyết để tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ. Song, nếu hiểu theo cách đó sẽ trái với các quy định về trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Điều 280 BLTTHS và Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP, Tòa án chỉ trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ mà Tòa án không thể tự mình bổ sung tại phiên tòa.

Vì vậy, việc thu thập chứng cứ của Tòa án không phụ thuộc vào việc Tòa án có trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay không. Tức là trong giai đoạn xét xử, nếu cần củng cố chứng cứ, Tòa án có thể tự mình thu thập hoặc yêu cầu Viện Kiểm sát thu thập chứng cứ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Việc có thu thập hay không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của Tòa án. Trong trường hợp đã

yêu cầu mà Viện Kiểm sát không bổ sung được thì Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, nếu Viện Kiểm sát không bổ sung được chứng cứ thì Viện Kiểm sát sẽ yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung. Điều tra viên, cán bộ điều tra là những người được đào tạo bài bản về nghiệp vụ điều tra, các hoạt động thu thập chứng cứ lại có cơ chế kiểm sát chặt chẽ bởi kiểm sát viên mà không thu thập được thì Tòa án cũng rất khó để có thể thu thập được những chứng cứ đó. Vì vậy, quy định này không mang tính khả thi cao.

4. Quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa

BLTTHS lần đầu tiên ghi nhận quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa. Điểm h khoản 1 Điều 73 quy định người bào chữa có quyền “thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu” và quy định này được cụ thể hóa tại Điều 88, BLTTHS năm 2015. Quy định này góp phần tích cực vào việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội và là một bước tiến quan trọng để nâng cao vị thế của người bào chữa trong tố tụng hình sự. Theo đó, người bào chữa được quyền thu thập chứng cứ bằng 2 phương thức:

+ Gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án,

+ Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa.

Như vậy, trong 7 nguồn chứng cứ luật định, người bào chữa chỉ có quyền thu thập chứng cứ từ 4 loại, bao gồm: Lời khai, lời trình bày; Vật chứng; Dữ liệu điện tử; Tài liệu, đồ vật khác. Mặc dù quy định người bào chữa có quyền đề nghị, nhưng nếu những cơ quan, tổ chức, cá nhân được đề nghị cung cấp tài liệu đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến vụ án không cung cấp thì không có cơ chế bảo đảm nào để người bào chữa thực hiện quyền này.

Những gì được coi là chứng cứ đều phải thỏa mãn cả 3 thuộc tính của chứng cứ, trong đó có

tính hợp pháp. Tính hợp pháp được thể hiện ở 2 phương diện: Một là, chứng cứ phải được rút ra từ nguồn luật định; Hai là, chứng cứ phải được thu thập theo trình tự thủ tục luật định. Song, trình tự, thủ tục để người bào chữa thu thập chứng cứ như thế nào thì pháp luật hiện nay còn đang bỏ ngỏ. Bởi vì, các quy định về trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ hiện nay đều chỉ áp dụng đối với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

5. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Từ những phân tích, đánh giá trên đây, tác giả đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về thẩm quyền thu thập chứng cứ như sau:

Thứ nhất, mở rộng phạm vi chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ theo hướng bổ sung UBND, đồn công an, chỉ huy trưởng tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng. Ngoài ra, đối với các chủ thể tham gia tố tụng khác cũng cần phải quy định quyền thu thập chứng cứ cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự.

Thứ hai, bổ sung các chế tài xử lý đối với bị hại, đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại trong trường hợp họ cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối, từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu, gây bất lợi cho quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án.

Thứ ba, bổ quy định tại khoản 6 Điều 252 BLTTHS năm 2015 về việc Tòa án thu thập chứng cứ trong trường hợp đã yêu cầu Viện Kiểm sát bổ sung mà Viện Kiểm sát không bổ sung được vì quy định này không khả thi và chưa thực sự hợp lý.

Thứ tư, cần sớm xây dựng các văn bản pháp luật quy định về trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ của người bào chữa.

Tóm lại, so với BLTTHS năm 2003, vấn đề về thẩm quyền thu thập chứng cứ trong BLTTHS năm 2015 đã có những bước tiến rất dài, góp phần xây dựng mô hình tố tụng hình sự tiến bộ, hiện đại. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, bất cập đòi hỏi các nhà làm luật tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam số 101/2015/QH13 ngày 27/11/2015*.
2. Văn phòng Quốc hội (2017). *Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-VPQH ngày 10/7/2017*.
3. Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao - Tòa án Nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng (2017). *Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*.
4. Nguyễn Ngọc Anh (2019). *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*. NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Nguyễn Mai Bộ (2018). *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam*. NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Nguyễn Tất Trình (2021). *Tòa án xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ*. <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-lu-at/toa-an-xac-minh-thu-thap-bo-sung-chung-cu>,

Ngày nhận bài: 22/4/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 12/5/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 28/5/2021

Thông tin tác giả:

ThS. LÝ BÍCH HƯƠNG

Khoa Luật - Trường Đại học Mở Hà Nội

**THE AUTHORITY TO COLLECT EVIDENCE IN ACCORDANCE
WITH THE 2015 CRIMINAL PROCEDURE CODE**

● Master, **LY BICH HUONG**
Faculty of Law, Hanoi Open University

ABSTRACT:

Evidence collection is the first stage of the proof of facts in a legal proceeding. The evidence collection is a prerequisite for the examination, evaluation and use of evidence. The Procedure Code of Vietnam stipulates that subjects including agencies with the competent to conduct proceedings and defense counsels have the right to collect evidence. In practice, there are still a number of other subjects who are entitled to collect evidence; however, they have not been officially recognized. In addition, regulations on the authority to collect evidence of investigative agencies, procuracies, and courts, and regulations on the defense's right to collect evidence also has some limitations. This paper analyzes and evaluates regulations on the authority to collect evidence in accordance with the 2015 Criminal Procedure Code. The paper also presents some recommendations to enhance the effectiveness of regulations on these issues.

Keywords: evidence collection, evidence, authority to collect evidence.